

CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố: 310/CV-CKDK-TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

V/v: Giải trình ngoại trừ và lưu ý của kiểm toán trong
báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo
chỉ tiêu ATTC kiểm toán năm 2013

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Quý Sở lời chào trân trọng.

Theo quy định tại thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Quyết định 04/2013/QĐ-SGDHCM ngày 20/5/2013, Quyết định 186/QĐ-SGDHN ngày 7/5/2013, PSI xin giải trình các ý kiến ngoại trừ và lưu ý của kiểm toán trong Báo cáo tài chính và Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính đã được kiểm toán năm 2013 như sau:

Ý kiến ngoại trừ: về các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) của Công ty

Công ty xin giải trình như sau: Công ty đã xác định và trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán OTC dựa trên căn cứ ba (03) báo giá đối các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng, báo giá OTC Công ty đã thu thập đã phản ánh giá trị cổ phiếu OTC của Công ty một cách phù hợp, khách quan và đúng theo các quy định của Pháp luật.

Ý kiến ngoại trừ: về hệ số rủi ro thị trường áp dụng đối các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC).

Công ty xin giải trình như sau: Công ty đã xác định hệ số rủi ro thị trường áp dụng đối với các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) này ở mức 50% là cổ phiếu của công ty đại chúng khác do căn cứ tính thanh khoản và các thông tin Công ty thu thập được về các cổ phiếu này, Công ty tin tưởng rằng các cổ phiếu này là cổ phiếu của công ty đại chúng khác.

Ý kiến lưu ý: về các khoản phải thu.

Công ty xin giải trình như sau: Nhóm tài khoản khách hàng này đã thực hiện giao dịch tại PSI từ năm 2009. Do thị trường sụt giảm mạnh trong giai đoạn 2010, giá trị chứng khoán và tiền trên các tài khoản giảm thấp hơn giá trị dư nợ, tuy nhiên khách hàng đã bổ sung các tài sản

đảm bảo cho công nợ này và Công ty tin tưởng các tài sản đảm bảo trên đủ để thanh toán giá trị các khoản nợ của nhóm tài khoản khách hàng.

Trên đây là giải trình của PSI đối với các ý kiến ngoại trừ và lưu ý của kiểm toán trong Báo cáo tài chính và Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính đã được kiểm toán năm 2013.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Huy



Số: 151/VN1A-HN-CV

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Kính gửi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

Đồng kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC ("UBCKNN")
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thưa Quý Ông/Bà,

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam nhận được Công văn số 311/CV-CKKD-TCKT đề ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") về việc giải trình các lưu ý và ngoại trừ của kiểm toán trong báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo chỉ tiêu An toàn tài chính kiểm toán năm 2013. Chúng tôi xác nhận rằng các giải trình của PSI tại Công văn số 310/CV-CKKD-TCKT đề ngày 31 tháng 3 năm 2014 là phù hợp với các tài liệu và thông tin tài chính mà PSI đã cung cấp cho chúng tôi trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Nếu Quý Ông/Bà có bất cứ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để cùng trao đổi.

Trân trọng,



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 310/CV-CKDK-TCKT

V/v: Giải trình ngoại trừ và lưu ý của kiểm toán trong
báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo
chỉ tiêu ATTC kiểm toán năm 2013

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Kính gửi:

Đồng kính gửi:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin được gửi tới Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Quý Sở lời chào trân trọng.

Theo quy định tại thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Quyết định 04/2013/QĐ-SGDHCM ngày 20/5/2013, Quyết định 186/QĐ-SGDHN ngày 7/5/2013, PSI kính đề nghị Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (đơn vị thực hiện kiểm toán) có ý kiến xác nhận nội dung giải trình của PSI tại công văn số 310 /CV-CKDK-TCKT ngày 31 tháng 3 năm 2014 về việc giải trình các ý kiến ngoại trừ và lưu ý của kiểm toán trong Báo cáo tài chính và báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính đã được kiểm toán năm 2013.

Trân trọng và hợp tác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, TCKT.



Phạm Quang Huy

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số: 316 /CKDK-TCKT
V/v: Giải trình báo cáo tài chính năm 2013

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA
 SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
 SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và các Sở Giao dịch lời chào trân trọng.

Theo quy định tại thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên, tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường này.

Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh của năm 2013 (kỳ báo cáo) so với năm 2012 như sau:

Mã	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Thay đổi % giữa năm 2013 và năm 2012
(-1)	(-2)	(-3)	(-4)	(-5)
1	1. Doanh thu	150,637,051,780	125,891,021,061	20%
	Trong đó:			
1.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10,709,869,726	11,489,240,169	-7%
1.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	23,261,435,620	30,002,595,622	-22%
1.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-	
1.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-	
1.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn	28,696,410,908	15,554,028,951	84%
1.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3,058,517,124	2,527,147,044	21%
1.7	- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	-	-	
1.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	
1.9	- Doanh thu khác	84,910,818,402	66,318,009,275	28%
2	Chi phí	145,579,196,860	125,071,620,323	16%
3	Lợi nhuận khác	(2,381,844,194)	(2,469,114)	96366%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,676,010,726	816,931,624	228%
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,676,010,726	816,931,624	228%

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng so với cùng kỳ năm 2012 do nguyên nhân chủ yếu sau:

Trong năm 2013, công ty tiến hành các biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tư vấn nên Doanh thu từ hoạt động Lưu ký chứng khoán tăng 21%, Doanh thu từ hoạt động tư vấn tăng 84% và Doanh thu từ hoạt động khác tăng 28%. Do vậy, mặc dù Doanh thu từ hoạt động Đầu tư chứng khoán góp vốn giảm 22%, Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán giảm 7% nhưng tổng doanh thu toàn công ty vẫn tăng 20%;

Trong năm 2013, cùng với việc tăng doanh thu, chi phí nghiệp vụ tăng làm tổng chi phí năm 2013 tăng 16% so với năm ngoái.

Do Doanh thu tăng 20% và chi phí chỉ tăng 16% như phân tích ở trên nên Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2013 đã tăng 228% so với năm 2012.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh năm 2013 so với năm trước của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, Phòng TCKT.



GIÁM ĐỐC

PHẠM QUANG HUY



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hoàng Hải Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Ủy viên
Ông Takahiro Yazawa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Shigeru Tsuru	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Hải Anh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Mai Trung Dũng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2013)
Ông Đặng Minh Quang	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

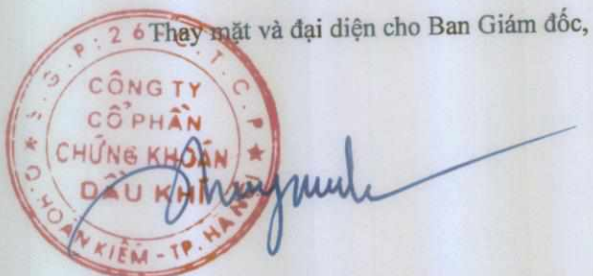
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu chưa niêm yết là 289.269.221.823 đồng, giá trị đầu tư các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết là 45.185.000.000 đồng. Căn cứ báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã trích lập 31.600.678.505 đồng dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của các báo giá về giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty để xác định dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) của Công ty và ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 7 - Phải thu khách hàng phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 66.340.268.302 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		894.912.030.875	802.661.885.151
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	216.127.072.454	168.985.538.501
1. Tiền	111		215.127.072.454	158.285.538.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	10.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	564.658.026.023	511.260.633.004
1. Đầu tư ngắn hạn	121		596.657.131.094	516.498.404.117
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(31.999.105.071)	(5.237.771.113)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.507.878.413	113.966.555.870
1. Phải thu khách hàng	131	7	98.258.869.160	98.372.752.696
2. Trả trước cho người bán	132		830.146.850	1.227.671.350
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	890.000
4. Các khoản phải thu khác	138	8	6.560.879.237	14.365.241.824
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.142.016.834)	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.786.277.958	4.246.817.695
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.832.776.027	4.202.340.081
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		948.973.156	618.186.740
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	85.580.739
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.798.222.132	3.498.572.602
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		32.090.301.132	207.492.382.610
I. Tài sản cố định	220		7.960.326.700	15.976.965.777
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.004.168.815	9.777.039.387
- Nguyên giá	222		17.630.320.830	26.492.175.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.626.152.015)	(16.715.136.519)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.956.157.885	6.199.926.390
- Nguyên giá	228		13.289.653.695	13.397.498.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.333.495.810)	(7.197.572.405)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	-	180.638.774.480
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	180.638.774.480
III. Tài sản dài hạn khác	260		24.129.974.432	10.876.642.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.371.904.465	2.692.551.909
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		4.517.289.967	3.875.376.044
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.240.780.000	4.308.714.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		927.002.332.007	1.010.154.267.761

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		332.541.218.123	418.369.164.603
I. Nợ ngắn hạn	310		332.530.745.381	418.358.691.861
1. Vay ngắn hạn	311	12	40.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.754.587.873	383.556.199
3. Người mua trả tiền trước	313		467.456.645	377.901.099
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	581.782.127	556.319.433
5. Phải trả người lao động	315		11.145.483.075	3.259.647.280
6. Chi phí phải trả	316	14	4.983.315.555	6.786.778.191
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	111.850.423.581	262.096.651.698
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		147.970.568.725	127.668.866.538
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		13.891.982.200	17.136.775.974
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(497.967.077)	(285.687.077)
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		383.112.677	377.882.526
II. Nợ dài hạn	330		10.472.742	10.472.742
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	10.472.742
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		594.461.113.884	591.785.103.158
I. Vốn chủ sở hữu	410		594.461.113.884	591.785.103.158
1. Vốn điều lệ	411	16	598.413.000.000	598.413.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	67.439.970.360	67.439.970.360
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế	420	16	(78.132.088.502)	(80.808.099.228)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		927.002.332.007	1.010.154.267.761

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Chứng khoán lưu ký

1.1. Chứng khoán giao dịch

1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký

1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước

1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài

1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch

1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước

1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài

1.3. Chứng khoán cầm cố

1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước

1.4. Chứng khoán chờ thanh toán

1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký

1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước

1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút

1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước

1.6. Chứng khoán chờ giao dịch

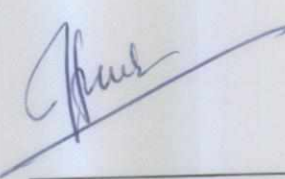
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký

1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước

1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài

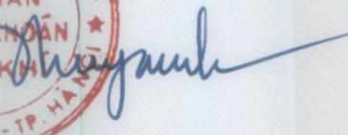
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết

		31/12/2013	31/12/2012
	Mã số	VND	VND
	006	5.387.938.970.000	3.508.690.980.000
	007	4.967.343.570.000	3.127.084.020.000
	008	8.511.460.000	21.762.110.000
	009	4.881.130.090.000	3.085.122.270.000
	010	77.702.020.000	20.199.640.000
	012	298.813.900.000	302.471.560.000
	014	209.650.900.000	213.308.560.000
	015	89.163.000.000	89.163.000.000
	017	78.800.000.000	13.859.980.000
	019	78.800.000.000	13.859.980.000
	027	12.139.850.000	21.751.600.000
	028	-	1.013.900.000
	029	12.139.850.000	20.737.700.000
	032	-	28.500.000.000
	034	-	28.500.000.000
	037	30.841.650.000	15.023.820.000
	038	100.000	-
	039	30.839.270.000	15.023.820.000
	040	2.280.000	-
	050	47.827.490.000	290.722.240.000


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng

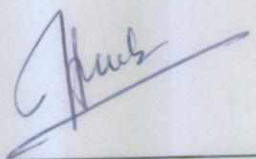

Phạm Quang Huy
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

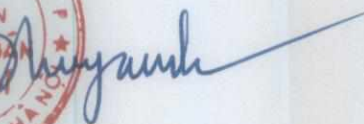
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		150.637.051.780	125.891.021.061
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		10.709.869.726	11.489.240.169
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		23.261.435.620	30.002.595.622
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		28.696.410.908	15.554.028.951
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.058.517.124	2.527.147.044
Doanh thu khác	01.9	17	84.910.818.402	66.318.009.275
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		150.637.051.780	125.891.021.061
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	94.664.829.994	114.919.460.005
4. Lãi gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		55.972.221.786	10.971.561.056
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	50.914.366.866	10.152.160.318
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.057.854.920	819.400.738
7. Thu nhập khác	31		395.894.562	193.469.097
8. Chi phí khác	32		2.777.738.756	195.938.211
9. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.381.844.194)	(2.469.114)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.676.010.726	816.931.624
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.676.010.726	816.931.624
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		45	14



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng

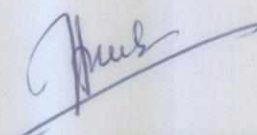
Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

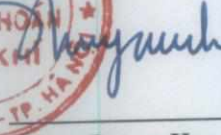
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.676.010.726	816.931.624
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.723.028.258	8.067.955.878
Các khoản dự phòng	03	27.903.350.792	(62.321.770.389)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(32.166.416.285)	(33.126.041.519)
Chi phí lãi vay	06	202.730.556	221.562.500
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.338.704.047	(86.341.361.906)
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.428.877.873	36.920.643.455
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.460.539.737	(3.657.833.973)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(125.302.846.003)	(117.529.777.584)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	(34.922.635.099)	121.273.827.881
Tiền lãi vay đã trả	13	(106.730.556)	(221.562.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	(212.280.000)	449.643.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.316.370.001)	(49.106.420.780)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(118.500.000)	(32.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	412.218.182	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	120.246.200.700	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.917.985.072	42.444.672.169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	155.457.903.954	42.411.872.169
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	89.900.000.000	69.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.900.000.000)	(94.500.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.000.000.000	(25.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	47.141.533.953	(31.694.548.611)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	168.985.538.501	200.680.087.112
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	216.127.072.454	168.985.538.501


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng


Phạm Quang Huy
Giám đốc

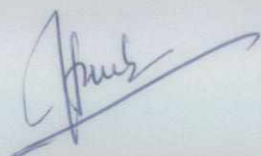
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2012	01/01/2013	Năm 2012		Năm 2013		31/12/2012	31/12/2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	16	67.439.970.360	67.439.970.360	-	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
Quỹ dự phòng tài chính	16	6.740.232.026	6.740.232.026	-	-	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
Lỗ lũy kế	16	(81.625.030.852)	(80.808.099.228)		816.931.624	-	2.676.010.726	(80.808.099.228)	(78.132.088.502)
		590.968.171.534	591.785.103.158	-	816.931.624	-	2.676.010.726	591.785.103.158	594.461.113.884



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 136 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 143 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn" với nhà đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)**

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng và tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu**Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (Tiếp theo)

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu tư

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, mặc dù lợi nhuận tính thuế của Công ty âm, tuy nhiên, do không chắc chắn về lợi ích kinh tế trong tương lai thu được từ các khoản này cũng như các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế thu nhập doanh nghiệp không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận tài sản/công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	350.693.447	332.881.130
Tiền gửi ngân hàng	204.338.646.721	152.062.690.189
Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư	178.618.644.801	130.782.204.629
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	10.437.732.286	5.889.967.182
Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư	10.001.812.002	4.807.198.946
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	10.700.000.000
	216.127.072.454	168.985.538.501

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết - giao dịch phi tập trung (i)	289.269.221.823	277.131.015.733
Cổ phiếu niêm yết	13.217.911.793	30.322.344.678
	302.487.133.616	307.453.360.411
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	109.664.922.350	95.545.663.526
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	23.868.625.818	17.097.077.838
Giao dịch ký quỹ chứng khoán (iii)	160.636.449.310	96.402.302.342
	294.169.997.478	209.045.043.706
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(31.600.678.505)	(2.301.182.695)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(38.426.566)	(2.936.588.418)
Dự phòng hợp tác đầu tư	(360.000.000)	-
	(31.999.105.071)	(5.237.771.113)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	564.658.026.023	511.260.633.004

(i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về rủi ro giá của các cổ phiếu này và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán (trình bày tại Thuyết minh số 4) để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 31.600.678.505 đồng.

(ii) Trong tổng số dư hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư nêu trên báo cáo gồm:

a) Khoảng 33,185 tỷ đồng là giá trị chứng khoán chưa niêm yết được Công ty ủy thác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.

b) Khoảng 12 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng ủy thác quản lý vốn và hợp đồng hợp tác đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các hợp đồng này.

(iii) Giao dịch ký quỹ chứng khoán phản ánh số tiền Công ty đã cấp cho nhà đầu tư thông qua dịch vụ và tài khoản ký quỹ. Công ty kiểm soát rủi ro hoạt động này thông qua việc quản lý số lượng và giá trị chứng khoán tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-CTCK****6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Chi tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm giá so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	63.117.911.793	30.322.344.678	38.426.566	2.936.588.418	63.079.485.227	27.385.756.260
Đầu tư trực tiếp	13.217.911.793	30.322.344.678	38.426.566	2.936.588.418	13.179.485.227	27.385.756.260
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	5.534.750	19.045.215	-	2.319.615	5.534.750	16.725.600
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	203.000	15.371.284.920	-	965.534.920	203.000	14.405.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	265.720	228.320	-	87.320	265.720	141.000
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí	-	1.615.770.000	-	352.200.000	-	1.263.570.000
Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát	13.093.399.000	13.093.399.000	-	1.545.559.000	13.093.399.000	11.547.840.000
Các cổ phiếu khác	118.509.323	222.617.223	38.426.566	70.887.563	80.082.757	151.729.660
Ủy thác đầu tư	49.900.000.000	-	-	-	49.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	12.000.000.000	-	-	-	12.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	37.900.000.000	-	-	-	37.900.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	289.269.221.823	277.131.015.733	31.600.678.505	2.301.182.695	257.668.543.318	274.829.833.038
Tổng cộng	352.387.133.616	307.453.360.411	31.639.105.071	5.237.771.113	320.748.028.545	302.215.589.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư và tổ chức	17.147.536.557	22.181.788.670
Phải thu ủy thác quản lý vốn	16.493.205.303	11.572.836.726
Phải thu khác (*)	64.618.127.300	64.618.127.300
	98.258.869.160	98.372.752.696

(*) Số dư các khoản phải thu khác bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên) và một số tài sản khác với tổng giá trị 66.340.268.302 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ tức và tiền lãi tiền gửi	561.051.600	3.448.834.350
Phải thu mua chứng khoán tự doanh 3 ngày cuối năm	-	1.301.466.700
Phải thu do chi hệ đối tác	362.366.279	1.254.747.365
Phải thu khác	5.637.461.358	8.360.193.409
	6.560.879.237	14.365.241.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	22.745.388.406	3.746.787.500	26.492.175.906
Tăng trong năm	50.500.000	-	50.500.000
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45	(6.803.728.641)	-	(6.803.728.641)
Thanh lý nhượng bán	(1.258.702.635)	(849.923.800)	(2.108.626.435)
Tại ngày 31/12/2013	14.733.457.130	2.896.863.700	17.630.320.830
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	14.795.718.768	1.919.417.751	16.715.136.519
Khấu hao trong năm	3.049.456.919	462.890.659	3.512.347.578
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45	(5.683.509.866)	-	(5.683.509.866)
Thanh lý nhượng bán	(1.198.001.146)	(719.821.070)	(1.917.822.216)
Tại ngày 31/12/2013	10.963.664.675	1.662.487.340	12.626.152.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	3.769.792.455	1.234.376.360	5.004.168.815
Tại ngày 31/12/2012	7.949.669.638	1.827.369.749	9.777.039.387

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	13.097.498.795	300.000.000	13.397.498.795
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45	(107.845.100)	-	(107.845.100)
Tại ngày 31/12/2013	12.989.653.695	300.000.000	13.289.653.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	7.049.507.889	148.064.516	7.197.572.405
Khấu hao trong năm	3.150.680.680	60.000.000	3.210.680.680
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45	(74.757.275)	-	(74.757.275)
Tại ngày 31/12/2013	10.125.431.294	208.064.516	10.333.495.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	2.864.222.401	91.935.484	2.956.157.885
Tại ngày 31/12/2012	6.047.990.906	151.935.484	6.199.926.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn phản ánh số dư các khoản vốn góp của Công ty vào một tổ chức kinh tế với mục đích nắm giữ dài hạn. Trong năm 2013, Công ty quyết định thay đổi chiến lược và thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này trong năm.

12. VAY NGẮN HẠN

Thể hiện số dư các khoản vay ngắn hạn từ một ngân hàng Thương mại Cổ phần với mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty để triển khai dịch vụ ký quỹ chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	265.118.066	102.019.391
Thuế thu nhập cá nhân	291.757.185	454.300.042
Thuế nhà thầu	24.906.876	-
	581.782.127	556.319.433

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	96.000.000	2.816.666.666
Chi phí trích trước về Hợp đồng thuê nhà số 20 Ngô Quyền	-	3.040.000.000
Chi phí trích trước chi phí hợp đồng tư vấn	2.080.000.000	-
Chi phí trích trước thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	1.019.877.000	99.000.000
Chi phí lãi trích trước Hợp đồng mua gom trái phiếu	480.277.778	-
Chi phí phải trả khác	1.307.160.777	831.111.525
	4.983.315.555	6.786.778.191

(*) Thể hiện khoản chi phí trích trước thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo phương án phân phối kết quả kinh doanh năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 31 tháng 5 năm 2013.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tài chính (*)	70.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	39.369.603.500	9.180.731.000
Phải trả, phải nộp khác	2.480.820.081	2.915.920.698
	111.850.423.581	262.096.651.698

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

(*) Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom trái phiếu với các tổ chức tài chính. Theo đó, các tổ chức tài chính thực hiện đặt cọc theo hợp đồng. Trong trường hợp Công ty không thu gom được, Công ty phải trả các tổ chức tài chính khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
01/01/2012	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(81.625.030.852)	590.968.171.534
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	816.931.624	816.931.624
01/01/2013	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(80.808.099.228)	591.785.103.158
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.676.010.726	2.676.010.726
31/12/2013	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(78.132.088.502)	594.461.113.884

Vốn cổ phần được duyệt**Vốn cổ phần đã phát hành**

Cổ phiếu phổ thông

Số cổ phiếu hiện đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Biến động số cổ phần trong năm như sau:

Số dư đầu năm

Cổ phiếu phát hành trong năm

Số dư cuối năm

31/12/2013	
Số cổ phiếu	VND
59.841.300	598.413.000.000
59.841.300	598.413.000.000
59.841.300	598.413.000.000
Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	
Số cổ phiếu	VND
59.841.300	598.413.000.000
-	-
59.841.300	598.413.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	4.182.596.509	1.754.019.475
Doanh thu lãi tiền gửi	10.180.173.607	15.203.285.017
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	47.149.048.172	29.471.202.273
Doanh thu giao dịch ký quỹ chứng khoán	17.694.941.973	14.658.519.918
Doanh thu khác	5.704.058.141	5.230.982.592
	84.910.818.402	66.318.009.275

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	5.632.755.526	8.396.273.818
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.827.199.804	59.677.467.815
Chi phí hoạt động tư vấn	14.872.902.659	5.817.187.288
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.333.086.879	2.676.189.511
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) (i)	26.761.333.958	(24.277.755.267)
Chi phí khác (ii)	42.237.551.168	62.630.096.840
	94.664.829.994	114.919.460.005

(i) Trong năm 2012, Công ty đã thanh lý một số khoản đầu tư được trích lập dự phòng từ năm 2011, thực hiện ghi nhận lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán là chênh lệch giữa giá gốc và giá bán thực tế, đồng thời hoàn nhập các khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Chi phí dự phòng trong năm 2013 thể hiện phần chi phí dự phòng trích lập cho các chứng khoán đầu tư ngắn hạn như trình bày ở **Thuyết minh số 6 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** trên đây.

(ii) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.110.925.322	15.362.654.997
Chi phí vật liệu quản lý	33.393.091	46.102.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.030.853.252	459.817.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.931.574.824	3.998.695.197
Thuế, phí và lệ phí	2.633.859.838	1.487.867.727
Chi phí dự phòng (*) (**)	1.142.016.834	(38.044.034.823)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	21.031.743.705	26.841.056.488
	50.914.366.866	10.152.160.318

(*) Chi phí dự phòng phát sinh trong năm 2013 thể hiện phần trích lập dự phòng phải thu khó đòi thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

- (**) Trong năm 2011, Công ty đã trích lập chi phí dự phòng 38.044.034.823 đồng cho một khoản phải thu phát sinh từ hoạt động môi giới giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tháng 4 năm 2012, Công ty đã thực hiện xử lý khoản phải thu này thông qua việc chuyển toàn bộ chứng khoán sang chứng khoán tự doanh theo giá thị trường, thực hiện ghi nhận lỗ hoạt động kinh doanh là 30.491.501.906 đồng, đồng thời hoàn nhập toàn bộ chi phí dự phòng cho phần dự phòng đã trích là 38.044.034.823 đồng.

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê ban đầu là 8.639 USD/tháng. Kể từ tháng 02/2012 đến tháng 4/2014, đơn giá thuê được áp dụng là 7.639USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội để làm trụ sở làm việc với giá thuê 190.530VND/m2/tháng. Thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Năm 2013	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	2.835.768	55.570.003.500
Trái phiếu	24.000.000	2.797.052.000.000
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	308.772.503	3.690.022.833.500
Trái phiếu	1.090.550.800	9.967.795.038.761
Chứng chỉ quỹ	913.670	6.979.077.000
	1.427.072.741	16.517.418.952.761

22. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	18.567.541.269	47.890.888.890
Doanh thu tư vấn		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.865.454.545	9.280.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.723.636.363	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.776.876.157	1.746.640.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.515.600.761	13.411.043.398
Các khoản phải trả		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	70.000.000.000	250.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (lãi phải trả theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	480.277.778	2.816.666.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chi tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Dịch vụ tài chính và tiền gửi VND	Khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
Năm 2013					
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10.709.869.726	23.261.435.620	84.910.818.402	31.754.928.032	150.637.051.780
2. Các chi phí trực tiếp	(5.632.755.526)	(29.588.533.762)	(42.237.551.168)	(17.205.989.538)	(94.664.829.994)
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	(5.663.278.885)	(2.763.739.354)	(30.808.533.428)	(11.678.815.199)	(50.914.366.866)
4. Thu nhập khác	-	-	-	395.894.562	395.894.562
5. Chi phí khác	-	-	-	(2.777.738.756)	(2.777.738.756)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thuế	(586.164.685)	(9.090.837.496)	11.864.733.806	488.279.101	2.676.010.726
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	197.407.312.347	270.848.028.545	377.588.578.929	15.538.063.078	861.381.982.899
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	65.620.349.108
Tổng Tài sản	197.407.312.347	270.848.028.545	377.588.578.929	15.538.063.078	927.002.332.007
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	147.970.568.725	-	151.270.090.661	13.891.982.200	313.132.641.586
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	19.408.576.537
Tổng Nợ phải trả	147.970.568.725	-	151.270.090.661	13.891.982.200	332.541.218.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.127.072.454	168.985.538.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.677.731.563	122.161.795.152
Đầu tư ngắn hạn	564.658.026.023	511.260.633.004
Đầu tư dài hạn	-	180.638.774.480
Tổng cộng	884.462.830.040	983.046.741.137
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	40.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	275.478.035.121	509.877.464.683
Chi phí phải trả	4.983.315.555	6.786.778.191
Tổng cộng	320.461.350.676	516.664.242.874

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết và các khoản nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị sổ sách của cổ phiếu niêm yết là 13.217.911.793 đồng. Nếu giá các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.321.791.179 đồng.

Đối với cổ phiếu OTC, do không có giá giao dịch chính thức trên thị trường nên Công ty không phân tích phân tích độ nhạy của thay đổi giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.127.072.454	-	216.127.072.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.677.731.563	-	103.677.731.563
Đầu tư ngắn hạn	564.658.026.023	-	564.658.026.023
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	884.462.830.040	-	884.462.830.040
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	275.478.035.121	-	275.478.035.121
Chi phí phải trả	4.983.315.555	-	4.983.315.555
Tổng cộng	320.461.350.676	-	320.461.350.676
Chênh lệch thanh khoản thuần	564.001.479.364	-	564.001.479.364
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.985.538.501	-	168.985.538.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	-	122.161.795.152
Đầu tư ngắn hạn	511.260.633.004	-	511.260.633.004
Đầu tư dài hạn	-	180.638.774.480	180.638.774.480
Tổng cộng	802.407.966.657	180.638.774.480	983.046.741.137
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	-	509.877.464.683
Chi phí phải trả	6.786.778.191	-	6.786.778.191
Tổng cộng	516.664.242.874	-	516.664.242.874
Chênh lệch thanh khoản thuần	285.743.723.783	180.638.774.480	466.382.498.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng giao dịch ký quỹ.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày phát hành báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải trình bày trên báo cáo.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014
